

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, nhận rõ vị trí của nhà thơ trong lịch sử văn học dân tộc – người mở đầu dòng văn thơ yêu nước cuối thế kỉ XIX.*
- *Thấy được sự kết hợp văn chương bác học và văn học dân gian, nghệ thuật sáng tạo hình tượng và ngôn từ giàu sức truyền cảm trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.*

I – CUỘC ĐỜI

Nguyễn Đình Chiểu tên tự là Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, sinh ngày 1 - 7 - 1822 tại quê mẹ, làng Tân Thới, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định

(1) *Kì* : tế lễ.

(2) *Chúc* : cầu chúc.

(nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Thân phụ ông là Nguyễn Đình Huy, người Thừa Thiên (nay là Thừa Thiên – Huế), làm thư lại trong dinh Tổng trấn Lê Văn Duyệt tại Gia Định. Thân mẫu là bà Trương Thị Thiết.

Năm 1833, Nguyễn Đình Chiểu được cha đưa ra Huế ăn học. Năm hai mươi một tuổi (1843), ông vào Gia Định thi đồ tú tài ; năm hai mươi lăm tuổi, ra Huế chuẩn bị thi tiếp thì được tin mẹ mất (1849). Trên đường trở về chịu tang, ông ốm nặng lại thương khóc mẹ nên bị mù cả hai mắt. Ông học nghề thuốc với một thầy cựu ngự y, sau đó trở về quê vừa dạy học vừa bốc thuốc.

Năm 1854, Nguyễn Đình Chiểu được một học trò gả em gái cho. Đó là bà Lê Thị Điền, người Cần Giuộc.

Năm 1859, giặc Pháp tràn vào sông Bến Nghé, chiếm thành Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu về quê vợ. Khi thực dân Pháp đánh đến Cần Giuộc (1861) và chiếm ba tỉnh miền Đông (1862), theo phong trào "tị địa"⁽¹⁾ ông lui về ở Ba Tri, tỉnh Bến Tre, tiếp tục dạy học và làm thuốc, đồng thời tham gia kháng chiến cùng với nhân dân, dưới cờ của Trương Định, Đốc binh Nguyễn Văn Là. Khi giặc Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây, Nguyễn Đình Chiểu tỏ thái độ không hợp tác với chúng. Buồn rầu, đau ốm, ông mất ngày 3 - 7 - 1888.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho tiết tháo⁽²⁾, sống theo đạo nghĩa của nhân dân. Ông không chỉ là người con có hiếu, người thầy mẫu mực, mà còn là một chiến sĩ yêu nước tham gia bàn bạc mưu lược với các chí sĩ chống thực dân Pháp. Nguyễn Đình Chiểu có uy tín rất lớn trong dân chúng. Tỉnh trưởng Bến Tre là Pôn-sông tìm cách mua chuộc ông, cấp đất cho, nhưng ông từ chối. Khi Nguyễn Đình Chiểu mất, cánh đồng Ba Tri rợp trắng khăn tang.

II – SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

Nguyễn Đình Chiểu để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị. Tác phẩm chính : các truyện thơ *Truyện Lục Vân Tiên*, *Dương Từ – Hà Mậu*, *Ông Ngự*,



Nguyễn Đình Chiểu
(Hoàng Hiệp vẽ năm 1962, dựa theo
kí ức và tư liệu trong gia đình Đỗ Chiểu)

(1) "Tị địa" : khi giặc Pháp chiếm dân Nam Kỳ, người dân ở vùng tạm chiếm chạy sang vùng tự do để lánh giặc. Vùng đất người dân chạy đến gọi là "tị địa".

(2) Tiết tháo : khí tiết vững vàng của người sống theo đạo nghĩa.

ông Tiêu hỏi đáp về thuật chữa bệnh (Ngư Tiêu y thuật vấn đáp) ; một số bài văn tế như Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Văn tế Trương Định, Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh và một số bài thơ Đường luật.

1. Quan niệm văn chương

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ có quan niệm văn chương nhất quán. Ông chủ trương dùng văn chương biểu hiện đạo lí và chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa :

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.*

(Dương Tử - Hà Mậu)

Mỗi vần thơ phải ngụ ý khen chê công bằng :

*Học theo ngôi bút chí công,
Trong thi cho ngụ tấm lòng Xuân thu⁽¹⁾.*

(Ông Ngư, ông Tiêu hỏi đáp về thuật chữa bệnh)

Văn chương phải là những sáng tạo nghệ thuật có tính thẩm mỹ, để phát huy các giá trị tinh thần :

*Văn chương ai chẳng muốn nghe,
Phun châu nhả ngọc báu khoe tinh thần.*

(Ông Ngư, ông Tiêu hỏi đáp về thuật chữa bệnh)

Nguyễn Đình Chiểu cũng ghét lối văn cử nghiệp gò bó. Ông viết :

*Văn chương nào phải trường thi,
Ra để hạn vận một khi buộc ràng,
Trượng phu có chí ngang tàng.*

(Ông Ngư, ông Tiêu hỏi đáp về thuật chữa bệnh)

Quan điểm này cho thấy vì sao hình thức sáng tác truyện thơ của ông khá đa dạng, phóng khoáng.

2. Tấm lòng thương dân, yêu nước

a) Trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta

Sáng tác tiêu biểu nhất của Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn này là *Truyện Lục Vân Tiên*. Tác phẩm ngợi ca phẩm chất sáng ngời của chàng trai họ Lục, một người con hiếu thảo, một trang nam nhi có lí tưởng, sẵn sàng quên mình cứu dân

(1) Xuân thu : kinh Xuân thu do Khổng Tử sửa lại, ngụ ý khen chê rõ ràng.

gặp nạn, đánh giặc Ô Qua, chung thủy trong tình yêu, trung thành với bạn bè, nhiệt tâm với chính nghĩa. *Truyện Lục Vân Tiên* ngợi ca tình yêu chung thủy của Nguyệt Nga, lòng trung thành của Tiểu đồng, lòng thẳng ngay của Hớn Minh, Tử Trực. Ông Quán trong *Truyện Lục Vân Tiên* đã nêu cao tư tưởng ghét thương của nhà thơ :

*Quán rằng : "Ghét việc tâm phào,
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm.
Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,
Để dân đến nỗi sa hãm sẩy hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan,
Khiến dân lướng chịu lầm than muôn phần".*

Đề cao nghĩa khí, *Truyện Lục Vân Tiên* cũng là bản án kết tội những kẻ phi nghĩa, bất nhân như cha con Võ Công trá trở, viên Thái sư hiểm độc, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm dốt nát, phản trắc, đê tiện.

Thể hiện tinh thần đạo lí còn có *Dương Từ – Hà Mậu*, một tác phẩm có tính luận đề. Các nhân vật Dương Từ và Hà Mậu đã đi theo đạo khác, bỏ gia đình nheo nhóc nhưng sau được giác ngộ, trở về với chính đạo.

b) Sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta

Khi thực dân Pháp đánh chiếm nước ta, Nguyễn Đình Chiểu liền chuyển sang lên án mạnh mẽ quân xâm lược, phê phán triều đình nhu nhược, ngợi ca tinh thần nghĩa khí và những tấm gương chiến đấu của nhân dân. Ngòi bút của nhà thơ gắn bó mật thiết với cuộc sống của người dân mất nước. Trong bài *Chạy giặc*, ông đã tả cảnh "sây đàn tan ghé" khi giặc đến với niềm xót thương vô hạn :

*Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dác bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.*

Trong bài *Ngóng gió đông (Xúc cảnh)*, Nguyễn Đình Chiểu vừa thể hiện sự oán trách triều đình vừa biểu lộ niềm mong mỏi triều đình giúp dân giữ gìn bờ cõi. Tiêu biểu hơn hết cho văn thơ yêu nước của ông là những bài văn tế như : *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Văn tế Trương Định, Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là tác phẩm xúc động nhất về người anh hùng nông dân Nam Bộ. Đó là những người quanh năm nghèo khó, chưa từng cầm vũ khí,

nhưng khi giặc đến thì xông lên chiến đấu quên mình, biểu thị tinh thần dũng mãnh bất khuất, tiêu biểu cho ý chí độc lập, tự do của dân tộc. Bài văn không chỉ là một thiên anh hùng ca đặc sắc, mà còn là lời bộc bạch gan ruột của những người dân không cam chịu làm nô lệ, thể đánh giặc đến cùng, là lời trách móc thâm trầm đối với thái độ đầu hàng bạc nhược của triều đình nhà Nguyễn. Chẳng hạn, các câu : "Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung", "tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó", "Vốn chẳng phải quân cơ quân vệ, theo dòng ở lính diễn binh", "Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn ; chín chục trận binh thư, không chờ bày bố",... ngoài ý ngợi ca tinh thần tự giác chiến đấu của các nghĩa sĩ, còn cho thấy quân cơ, quân vệ, những kẻ được trang bị, tập rèn để chiến đấu, lẽ ra phải có mặt lúc này thì lại vắng bóng !

Thơ điếu của Nguyễn Đình Chiểu là những áng văn bia khắc sâu hình ảnh các anh hùng cứu nước :

*Làm người trung nghĩa đáng bia son,
Đứng giữa còn khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đến bồi ơn đất nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.
Tinh thần hai chữ phau sương tuyết,
Khí phách ngàn thu rở núi non,...*

(Thơ điếu Phan Tôn)

Giai đoạn này, Nguyễn Đình Chiểu còn viết *Ông Ngự, ông Tiểu hỏi đáp về thuật chữa bệnh*, một tác phẩm có tính chất đối thoại. Nội dung kể về việc vua Tấn cất đất U Yên cho giặc Liêu xâm lược để cầu hoà, nhân dân và sĩ phu không chịu sống dưới ách ngoại bang nên rời quê hương đi lánh giặc. Hai nhân vật Bào Tử Phục và Mộng Thê Triền bỏ nhà vào núi ở ẩn, làm Ngự, làm Tiểu. Được sự dẫn dắt của Đạo Dẫn, họ tìm thầy học đạo, học thuốc để cứu đời. Hai người gặp Kì Nhân Sư, ông thầy không chịu hợp tác với giặc, tự xông mắt cho mù. Họ được thầy dạy cho nghề thuốc cứu đời. Con đường đi đến "rừng y" của hai ẩn sĩ thể hiện tinh thần gắn bó với dân của Nguyễn Đình Chiểu, khác với người ẩn sĩ xưa chỉ biết lánh đời. Qua tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện một tinh thần thương dân và yêu nước mãnh liệt.

3. Nghệ thuật thơ văn giàu sức truyền cảm

Trong các bài thơ Đường luật, văn tế, Nguyễn Đình Chiểu thể hiện một tài nghệ điêu luyện. Về ngôn từ, lời văn của ông mộc mạc mà tề chỉnh, từ dùng chính xác, giàu sức gợi cảm. Những bài thơ Đường luật của ông có lời lẽ trang nhã, trau chuốt mang vẻ đẹp cổ điển của văn chương bác học. Chẳng hạn :

*Mây giăng ai bắc trông tin nhận,
Ngày xế non nam bật tiếng hồng.
Bờ cõi xưa đã chia đất khác,
Nắng sương nay há đợi trời chung.*

(Ngón gió đông)

Về hình ảnh, ông có tài lựa chọn những chi tiết rất điển hình để dựng nên hình tượng các nghĩa sĩ sống mãi trong tâm trí người đọc.

Về thể loại, Nguyễn Đình Chiểu sáng tác các truyện thơ trường thiên như *Truyện Lục Vân Tiên* (2082 câu), *Dương Từ – Hà Mậu* (3456 câu), *Ông Ngự, ông Tiêu hỏi đáp về thuật chữa bệnh* (3642 câu). Tuy nội dung đạo lý nho gia rất sâu sắc và uyên bác, nhiều điển cố lấy trong kinh sử nhưng hình thức nghệ thuật lại đậm chất dân gian. Các mô típ như đánh cướp cứu người đẹp, kẻ xấu đố kỵ, hãm hại người tài, người hiền được thần cứu nạn, vua ép gả người đẹp, người đẹp tự tử để không phụ tình, người anh hùng đánh giặc cứu nước,... đều rất quen thuộc, làm nên sức hấp dẫn đối với đông đảo nhân dân. Ngôn từ trong các truyện thơ tuy có chỗ chưa được trau chuốt, song đây đó vẫn lấp lánh những câu thơ đẹp. Chẳng hạn, tả hình ảnh người tráng sĩ :

*Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ô.*

Hoặc tả cảnh hoang vu với tâm trạng cô đơn, mong nhớ của Nguyệt Nga :

*Kim Liên ơi hỡi Kim Liên,
Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê.
Hà Khê dấu thỏ đường dê,
Chim kêu vượn hú bốn bề nước non.*

Dù là thơ Đường luật, văn tế hay truyện thơ, nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu đều có các đặc điểm nổi bật như : bình dị, mộc mạc, giàu lời ăn tiếng nói thân thuộc của nhân dân, đậm đà bản sắc dân tộc, đặc biệt là bản sắc địa phương Nam Bộ. Truyện thơ của ông kết hợp tính cổ điển bác học với tính dân gian, có bút pháp lí tưởng hoá khi khắc hoạ nhân vật chính diện và bút pháp tả thực khi miêu tả nhân vật phản diện.

*

* *

Nguyễn Đình Chiểu là nhà nho tiết tháo, yêu nước. Tinh thần và khí tiết của ông toả sáng trong buổi hoàng hôn của chế độ phong kiến, khi chính – tà lẫn lộn. Thơ văn ông đứng hẳn về phía những người chính nghĩa yêu nước.

Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu nổi bật lên ba đặc điểm về nội dung và hình thức.

Trong khi nhiều nhà văn bác học triều Nguyễn có xu hướng quay về với truyền thống Hán văn, coi thường văn Nôm, thì Nguyễn Đình Chiểu lại chỉ sáng tác bằng chữ Nôm, hướng về đồng bào quần chúng.

Nguyễn Đình Chiểu là nhà văn đầu tiên xây dựng thành công hình ảnh những người nông dân trong văn học dân tộc, đắp tô tượng đài vĩnh cửu về người anh hùng Nam Bộ tiên phong trong công cuộc chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu, tư tưởng nho gia được đề cao thành một thứ chính đạo, xem ra có vẻ bảo thủ giữa lúc tư tưởng giải phóng cá tính đã mạnh lên từ thế kỉ XVIII. Song điều đáng chú ý là các tư tưởng ấy mang nội dung đạo nghĩa nhân dân, gắn chặt với ý thức trách nhiệm đối với vận mệnh của đất nước, do đó có một ý nghĩa xã hội to lớn, khởi đầu cho một thời đại văn chương sử thi mới sau này.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy kể ra các sự kiện lớn trong cuộc đời nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu và tác động của chúng đối với sáng tác thơ văn của ông.
2. Kể tên các tác phẩm chính của Nguyễn Đình Chiểu qua hai giai đoạn sáng tác mà anh (chị) đã học và nêu quan niệm văn chương của ông.
3. Nguyễn Đình Chiểu là người mở đầu dòng văn học yêu nước cuối thế kỉ XIX. Hãy phân tích các tác phẩm tiêu biểu và nêu bật ý nghĩa của chúng đối với lịch sử văn học Việt Nam.
4. Trình bày những đóng góp đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu cho văn học Việt Nam cuối thế kỉ XIX.

BÀI TẬP NÂNG CAO

Có ý kiến cho rằng *Truyện Kiều* là tiểu thuyết bằng thơ còn *Truyện Lục Vân Tiên* là truyện kể đậm màu sắc văn học dân gian. Sự phân biệt đó có ý nghĩa như thế nào đối với việc đánh giá nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm ?